

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kiều My;

Ông Dương Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Tôn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987; cư trú tại: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; cư trú tại: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn H năm 2009. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17-02-2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20-2009, quyển số 07. Từ đầu năm 2016, chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H bỏ bê gia

đình, không lo lắng cho vợ con, sống không có trách nhiệm với gia đình. Hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H vẫn không thay đổi mà ngày càng tệ hơn. Chị T và anh H đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Phạm L, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2009. Hiện, cháu L đang ở chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh H không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị T và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Theo biên bản xác minh ngày 16 tháng 4 năm 2018, ông Hoàng Văn T – cán bộ Tư pháp xã T cung cấp như sau: Chị T và anh H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống có một con chung tên Nguyễn Phạm L, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2009. Mâu thuẫn giữa chị T và anh H do các đương sự không trình báo nên địa phương không được biết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể như sau: về hôn nhân: cho chị T ly hôn với anh H; về con chung: giao cho chị T nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị T khởi kiện anh Nguyễn Văn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh H có nơi cư trú tại ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: hôn nhân của chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 6 năm 2017, hai bên đã không còn sống chung với nhau nên có cơ sở xác định chị T và anh H không còn thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm L, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2009. Cháu L hiện đang chung sống với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Quá trình tố tụng, cháu L có nguyện vọng được sống chung với chị T. Chị T có nghề nghiệp, nơi ở, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Hội đồng xét xử xét giao cháu L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí: nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H.

- Về nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Phạm L, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2009 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

- Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002855 ngày 22-3-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ

ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ánh Tuyết